CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Điện tử Bình Hòa

Ngày 31/12/2024	12,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	7.0%	**23.0%**	**5.1%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	9,200 - 18,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	36
Số lượng CPLH (CP)	2,900,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10
Sở hữu nước ngoài	1.5%
Beta	(1.50)
EPS	
P/E	

DT thuần
Q4/24
tỷ VNĐ

LN thuần
Q4/24
tỷ VNĐ

LN sau thuế
Q4/24
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT
2024
4.0%
YoY: +/-▼ 0.9%

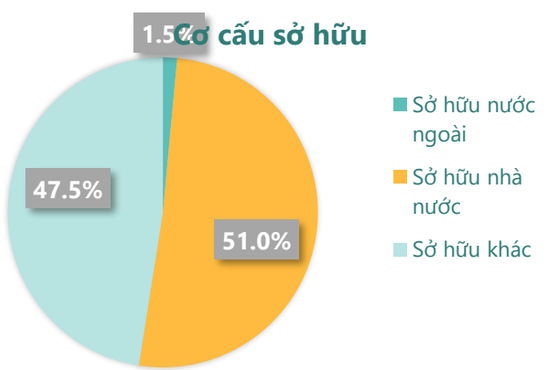
ROE
2024
4.0%
YoY: +/-▼ 4.0%

DT thuần
2024
32.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼19.8| -38.0%

LN thuần
2024
1.29
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.21| -48.4%

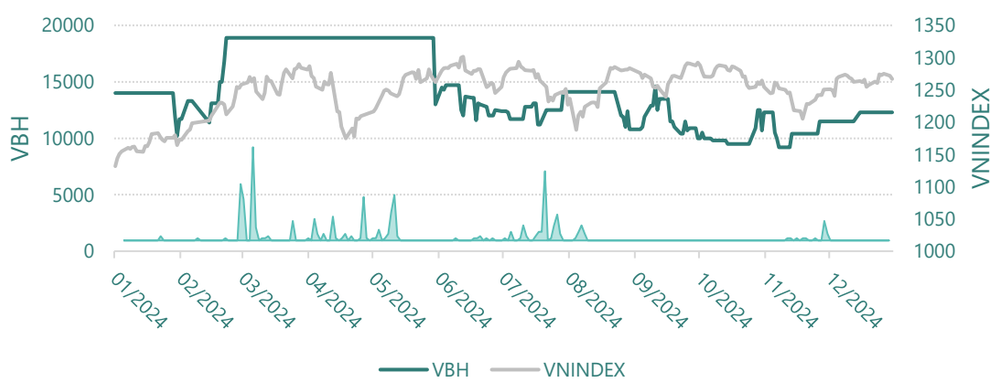
LN sau thuế
2024
1.02
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.91| -47.0%

Cơ cấu sở hữu

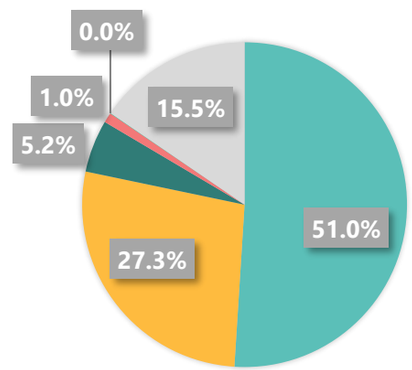


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

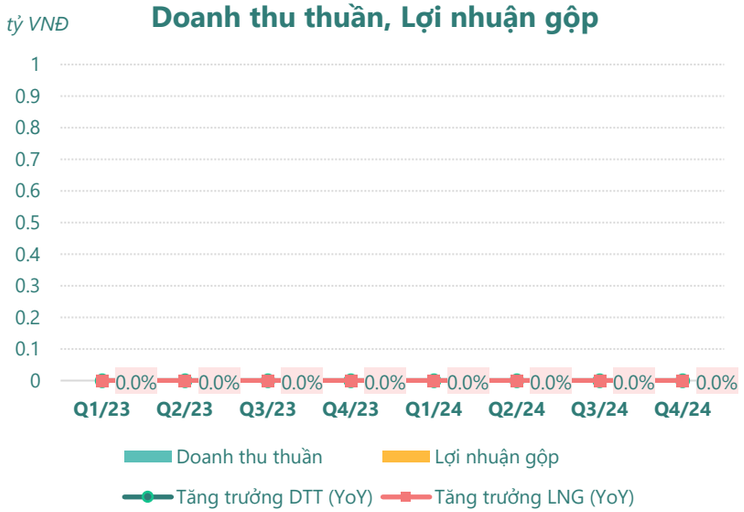


- Tổng CTCP Điện tử và Tin học Việt Nam
- CTCP Tập đoàn Tecco
- Công đoàn CTCP Điện tử Bình Hòa
- TDK - Lambda Malaysia Sdn. Bhd
- Trần Thị Kiều Oanh (Kế toán trưởng)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

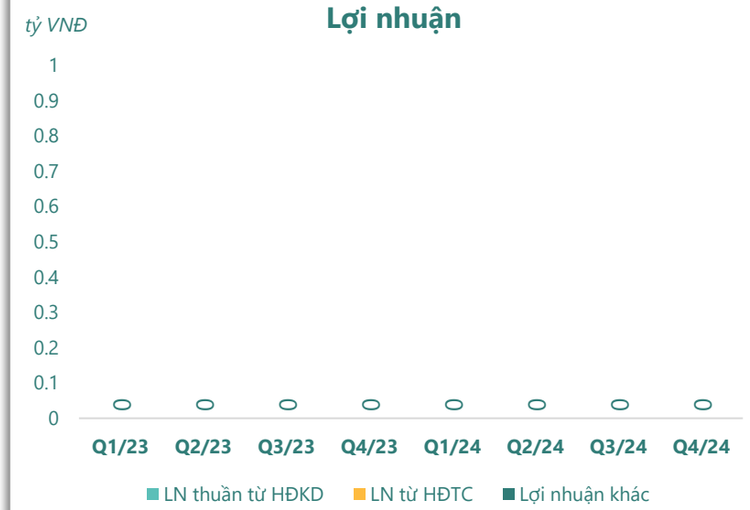
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



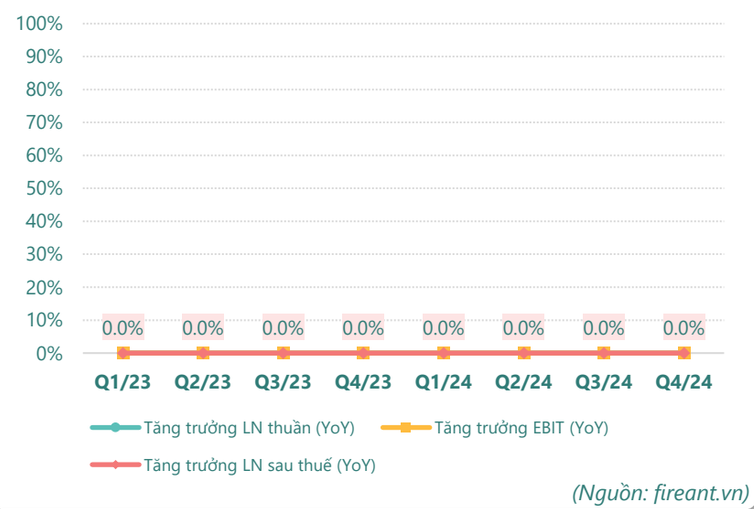
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



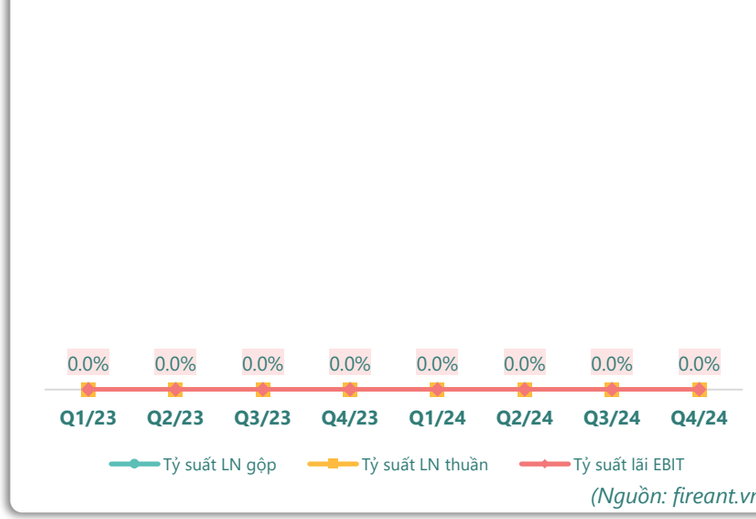
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



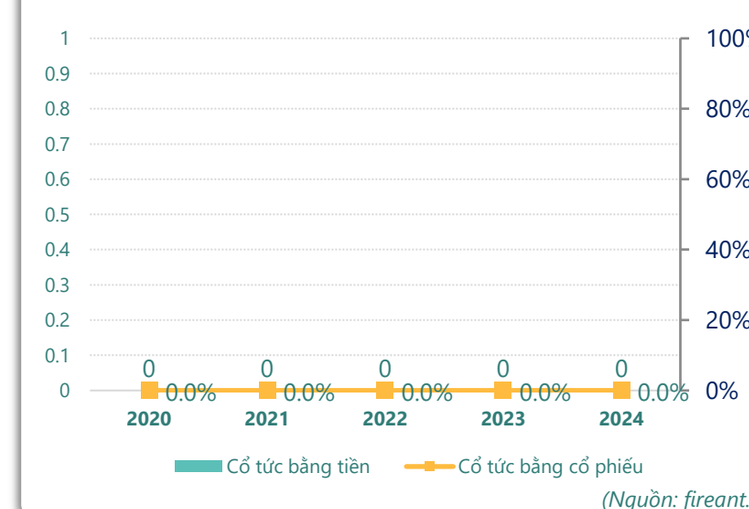
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

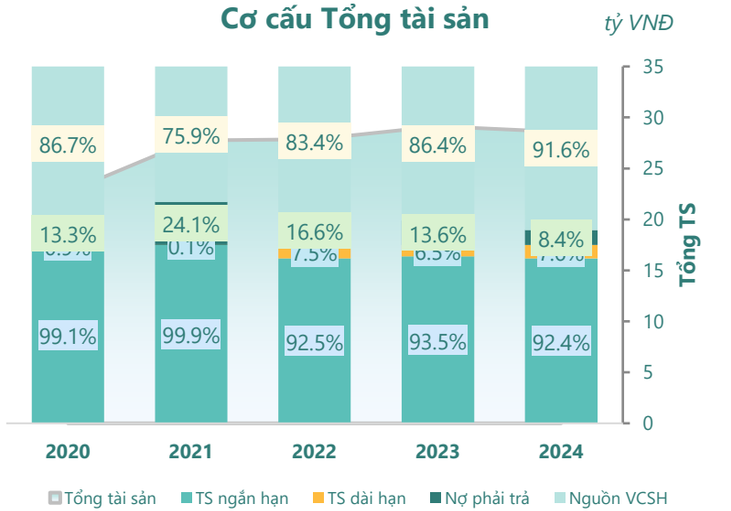
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

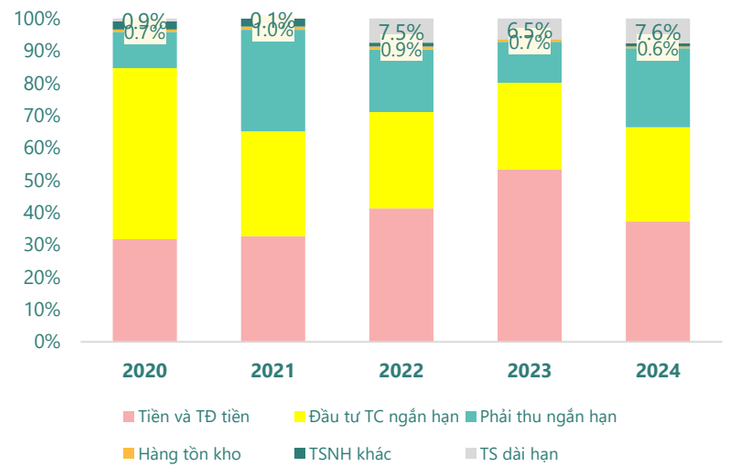
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



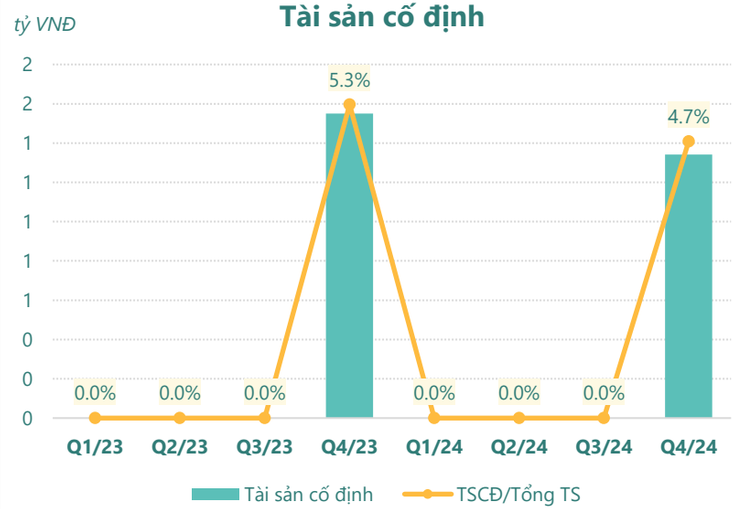
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



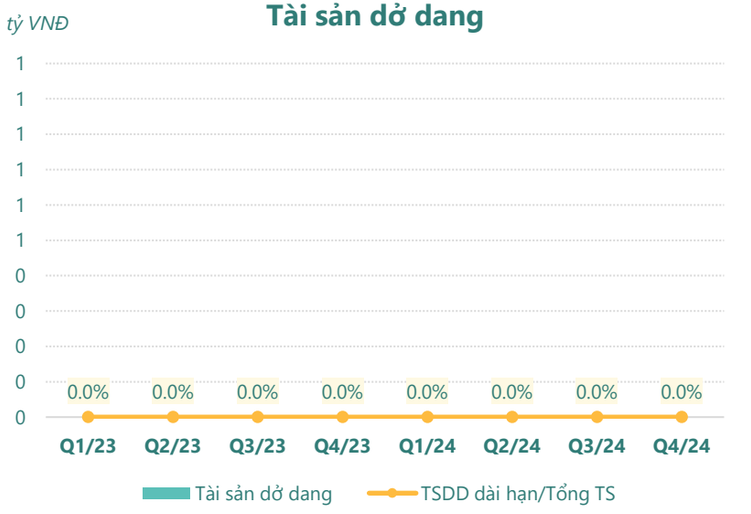
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



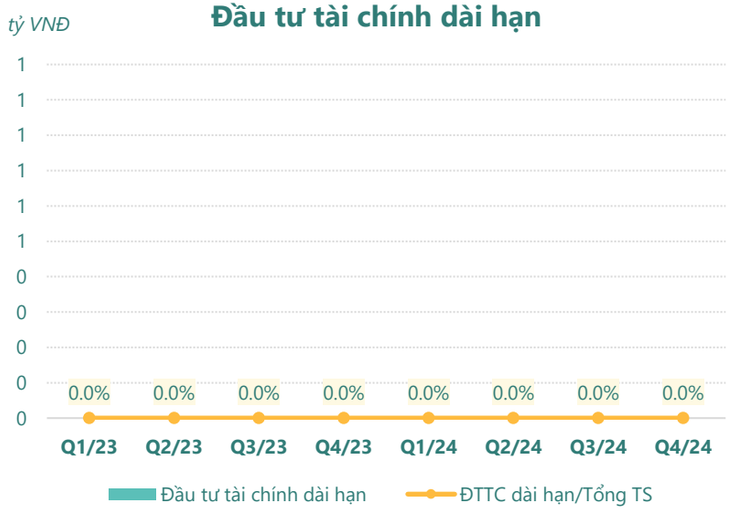
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



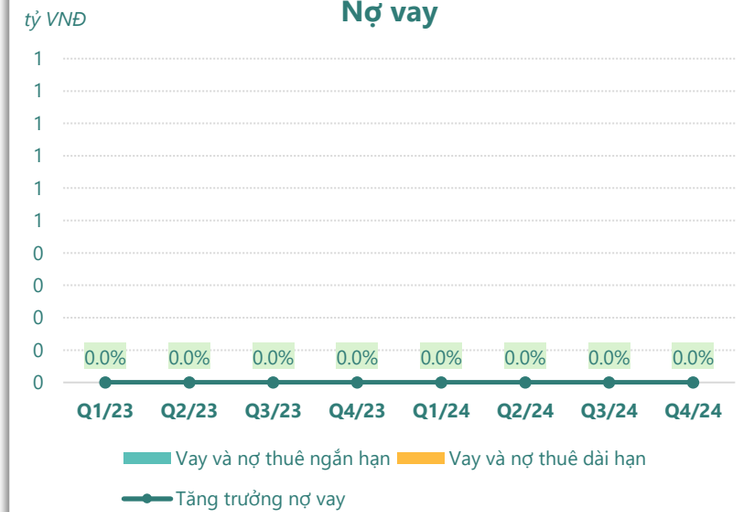
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

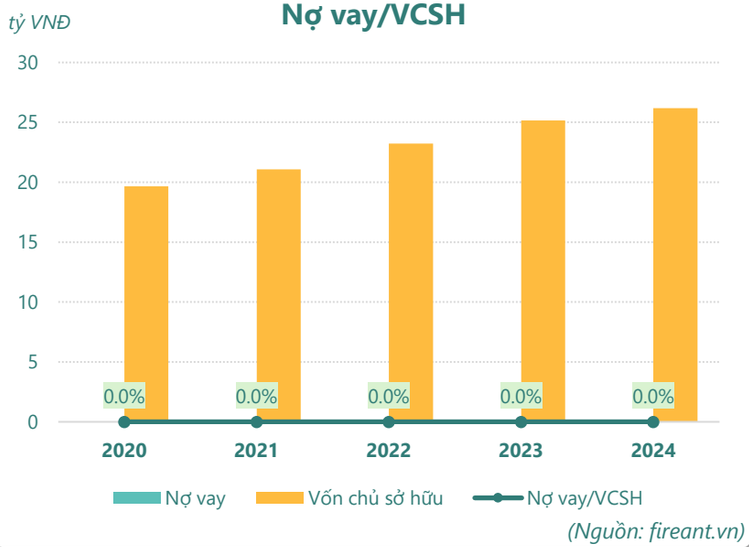
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

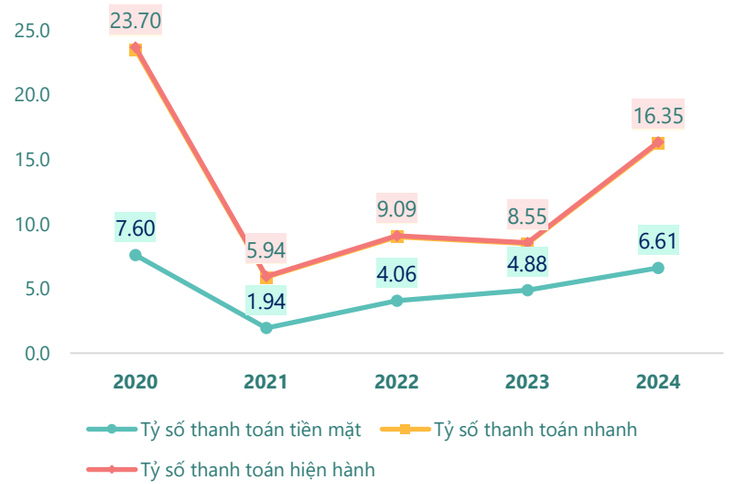
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



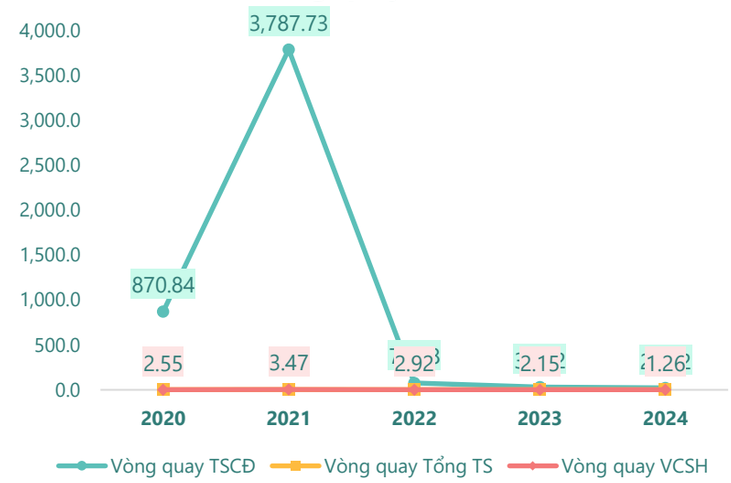
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



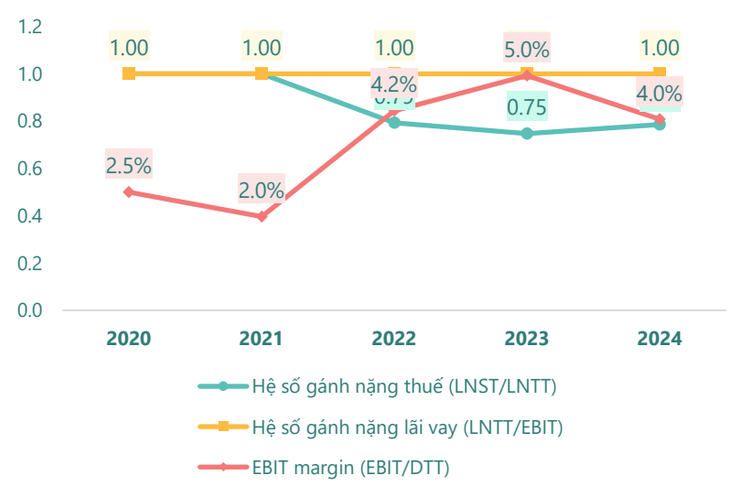
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



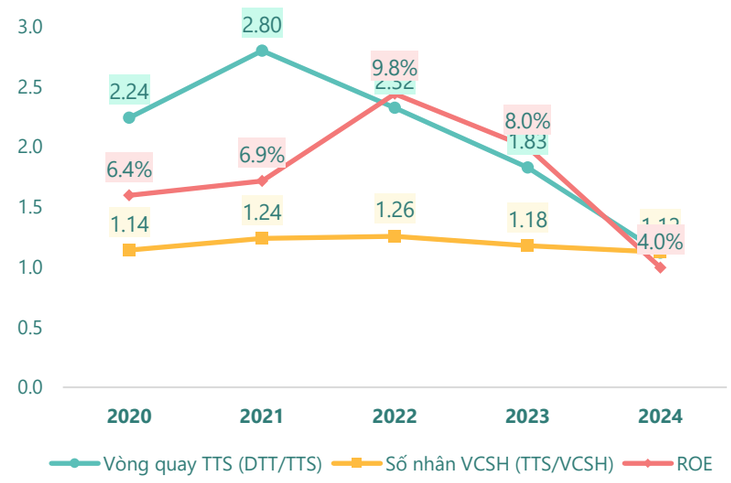
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



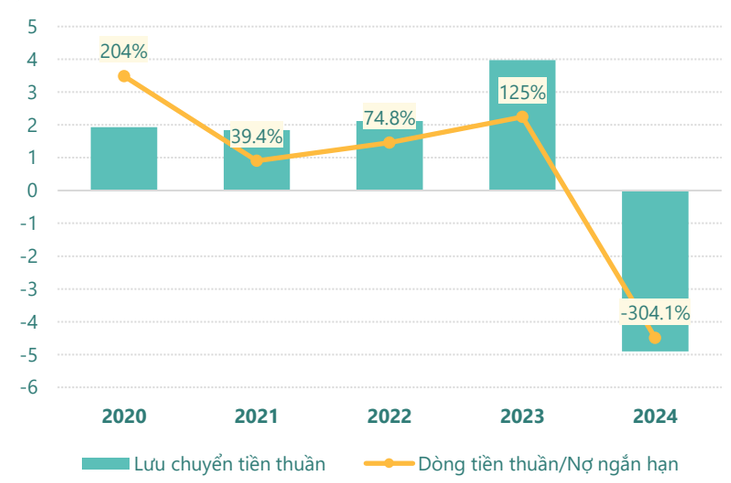
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần				**32.3**	**52.1**	**-38.0%**
Giá vốn hàng bán				18.0	34.5	-47.9%
Lợi nhuận gộp				14.3	17.6	-18.7%
Doanh thu HĐTC				0.89	1.18	-24.8%
Chi phí TC				0.05	0.08	-28.7%
Chi phí lãi vay				0	0	
LN trong công ty LKLD				**0**	**0**	
Chi phí bán hàng				0.61	1.71	-64.1%
Chi phí QLDN				**13.2**	**14.5**	**-8.6%**
LN thuần từ HĐKD				1.29	2.50	-48.4%
Lợi nhuận khác				**0.01**	**0.08**	**-87.6%**
LN trước thuế				1.30	2.58	-49.6%
Lợi nhuận sau thuế				**1.02**	**1.93**	**-47.0%**
LNST của CĐ cty mẹ				**1.02**	**1.93**	**-47.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**28.6**	**29.1**	**-1.9%**
Tài sản ngắn hạn	26.4	27.2	-3.1%
Tiền và tương đương tiền	10.7	15.5	-31.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.30	7.80	6.4%
Phải thu ngắn hạn	6.97	3.69	89.0%
Hàng tồn kho	0.16	0.20	-19.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.30	0.02	1119%
Tài sản dài hạn	**2.18**	**1.88**	**15.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1.34	1.55	-13.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.84**	**0.33**	**152%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2.40	3.97	-39.6%
Nợ ngắn hạn	**1.61**	**3.19**	**-49.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0.78	0.78	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**26.2**	**25.2**	**4.1%**
Vốn chủ sở hữu	**26.2**	**25.2**	**4.1%**
Vốn điều lệ	29.0	29.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)